

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Bản án số: 11/2020/HNGĐ-PT

Ngày 21-5-2020

V/v tranh chấp chia tài sản
sau khi ly hôn

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Vân Thúy

Các Thẩm phán:

Ông Lê Anh Sơn

Bà Phạm Thị Thanh Bình

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Vân Anh-Thẩm tra viên Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Hà Văn Dồn - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 11/2020/TLPT-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn.

Do Bản án sơ thẩm số 01/2020/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Toà án nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 85/2020/QĐ-PT ngày 04 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Ngô Hoàng T; nơi cư trú: Số 31/36 Tôn Đức Th, phường Trần Nguyên H, Quận Lê Ch, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị Bích Th; nơi cư trú: Số 12/226 Hai Bà Tr, phường An B, Quận Lê Ch, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Phạm Thị Bích Th - là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo tài liệu có trong hồ sơ và bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn là ông Ngô Hoàng T trình bày: Ông Ngô Hoàng T và bà Phạm Thị Bích Th kết hôn năm 1987 và có 01 con chung là Ngô Hoàng T, sinh năm 1990. Quá trình chung sống vợ chồng ông T và bà Th đã tạo dựng được khối tài sản chung là: Nhà và đất tại số 31/36 Tôn Đức Th, phường Trần Nguyên H, Quận Lê

Chân, thành phố Hải Phòng thuộc thửa đất số 657, tờ bản đồ số 01, diện tích 54,90m², nhà 03 tầng, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân Quận Lê Chân cấp ngày 11-11-2010 mang tên ông Lê Bảo Phong và bà Trần Thị Dung, ngày 22-12-2017 chuyển nhượng cho ông Ngô Hoàng T và bà Phạm Thị Bích Th; nhà và đất tại số 56 (cũ là tổ dân phố số 19) phường Lãm Hà, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng, thuộc thửa đất số 419 - 02, tờ bản đồ số LH - 13 (306594-4-(b), diện tích 77,51m², nhà cấp 4, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân quận Kiến An cấp ngày 04-11-2011 mang tên ông Ngô Hoàng T và bà Phạm Thị Bích Th. Do mâu thuẫn giữa ông T và bà Th trầm trọng, không thể sống chung cùng nhau nên ông bà đã ly hôn. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 335/QĐST-HNGĐ ngày 16-8-2017 của Tòa án nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng đã giải quyết cho ông T và bà Th về quan hệ hôn nhân và con chung, về phần tài sản chung hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, trong giai đoạn giải quyết ly hôn thì ông T và bà Th đã cùng nhau lập văn bản thỏa thuận chia tài sản vào ngày 08-8-2017, bà Th giữ bản chính, còn ông T giữ bản photocopy, nội dung thỏa thuận như sau: Vợ chồng có hai ngôi nhà là nhà và đất tại số 31/36 Tôn Đức Thắng, phường Trần Nguyên Hãn, Quận Lê Chân, Hải Phòng và nhà và đất tại số 56 phường Lãm Hà, quận Kiến An, Hải Phòng. Ông được chia nhà và đất số 31/36 Tôn Đức Thắng, phường Trần Nguyên Hãn, Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; còn bà Th được chia nhà và đất tại số 56 phường Lãm Hà, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng. Hai bên sẽ có trách nhiệm thực hiện cam kết và tạo điều kiện nếu có sự thay đổi sang tên.

Ngày 20-9-2017, bà Th đã bán nhà và đất mà bà được chia tại số 56 phường Lãm Hà, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng với giá 1.280.000.000 đồng, ông T đã thực hiện đúng trách nhiệm là cùng bà Th làm thủ tục sang tên cho bên mua. Toàn bộ số tiền bán nhà bà Th quản lý sử dụng đúng như hai bên đã thỏa thuận. Nhưng khi ông T có ý định chuyển nhượng nhà cho người khác thì bà Th gây khó khăn, không hợp tác cùng ông T làm thủ tục cho bên mua.

Nay, ông T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết chia cho bà Th số tiền bán nhà tại số 56 phường Lãm Hà, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng là 1.280.000.000 đồng và chia cho ông nhà và đất tại số 31/36 Tôn Đức Thắng, phường Trần Nguyên Hãn, Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

Đối với Kết luận định giá tài sản là đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ Số 31/36 Tôn Đức Thắng, phường Trần Nguyên Hãn, Lê Chân, thành phố Hải Phòng, ông T hoàn toàn đồng ý.

Tại các bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Phạm Thị Bích Thủy trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của ông T về quá trình kết hôn, có con chung và đã ly hôn tại Tòa án nhân dân Quận Lê Chân là đúng. Theo bà, quá trình chung sống bà và ông T đã tạo dựng được khối tài sản chung là: Nhà và đất tại số 31/36

Tôn Đức Thắng, phường Trần Nguyên Hãn, Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; nhà và đất tại số 56 phường Lãm Hà, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng và số tiền tiết kiệm 3.000.000.000 đồng gửi tại Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu, Chi nhánh Hải Phòng, địa chỉ: Số 88-90 Trần Nguyên Hãn, Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

Khi ly hôn, bà và ông T chưa chia tài sản chung của vợ chồng và cũng không lập biên bản thỏa thuận nào về việc phân chia tài sản chung. Sau khi ly hôn, ông T đã tự nguyện tặng cho bà nhà và đất tại số 56 phường Lãm Hà, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng nhưng không có giấy tờ tặng cho gì và cũng không có ai biết, không có ai chứng kiến. Đến ngày 20-9-2017, bà đã bán nhà và đất mà ông T tặng cho bà với giá 1.280.000.000 đồng, ông T đã cùng bà làm thủ tục sang tên cho người mua và ông T đã lấy của bà 500.000.000 đồng, còn nói sẽ có trách nhiệm trả cho bà số tiền chênh lệch giữa hai ngôi nhà là 200.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến nay ông T chưa trả bà số tiền trên nhưng bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay, bà xác định tài sản chung của bà và ông T chỉ còn lại nhà và đất tại số 31/36 Tôn Đức Thắng, phường Trần Nguyên Hãn, Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng và số tiền tiết kiệm là 3.000.000.000 đồng. Bà đề nghị Tòa án chia nhà và đất tại số 31/36 Tôn Đức Thắng, phường Trần Nguyên Hãn, Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng cho bà và ông T mỗi người được hưởng 1/2 nhà và đất trên. Còn số tiền tiết kiệm 3.000.000.000 đồng, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với yêu cầu ông T phải trả 6,7 cây vàng tương đương với số tiền là 230.000.000 đồng cho bà, bà đã có đơn rút yêu cầu, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà Th thay đổi quan điểm, bà đề nghị Tòa án buộc ông T phải trả cho mẹ đẻ của bà là cụ Hoàng Thị Yêm, 87 tuổi, cư trú tại: Thôn Đào Lại, xã Văn Hội, huyện Ninh Giang, Hải Dương số tiền 65.000.000 đồng mà cụ Y đã gửi ông T; trả cho bà số tiền 185.000.000 đồng mà ông T hứa cho bà khi chia tài sản chung của vợ chồng nhưng bà chưa được nhận và trả cho bà số tiền 200.000.000 đồng mà ông T nói cho thêm bà. Tổng cộng là 450.000.000 đồng.

Đối với Kết luận định giá tài sản là đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ Số 31/36 Tôn Đức Thắng, phường Trần Nguyên Hãn, Lê Chân, thành phố Hải Phòng là quá thấp nên bà không đồng ý nhưng bà không đề nghị định giá lại mà đề nghị Tòa án căn cứ vào giá lúc ông bà mua là 1.650.000.000 đồng để tính giá trị còn lại, theo giá thị trường hiện nay là 2.200.000.000 đồng.

* Với nội dung nêu trên tại Bản án sơ thẩm số 01/2020/HNGĐ-ST ngày 13-01-2020 của Tòa án nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 29, Điều 33, khoản 2 Điều 38, khoản 2 Điều 39, Điều 50, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 117, khoản 2 Điều 119, Điều 159 Bộ luật Dân sự; Điều 167 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 28, Điểm a

khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Hoàng T về việc chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn;

Xác định khối tài sản chung của ông Ngô Hoàng T và bà Phạm Thị Bích Th có trong thời kỳ hôn nhân là: Nhà và đất tại số 31/36 Tôn Đức Thắng, phường Trần Nguyên Hãn, Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng, thuộc thửa đất số 657, tờ bản đồ số 01, diện tích 54,90m², nhà 03 tầng, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 633698 vào sổ cấp GCNQSDĐ: CH00234/TNH do Ủy ban nhân dân Quận Lê Chân cấp ngày 11-11-2010 mang tên ông Lê Bảo Phong và bà Trần Thị Dung, ngày 22-12-2017 chuyển nhượng cho ông Ngô Hoàng T và bà Phạm Thị Bích Th, có giá trị là 1.188.200.000 đồng (Một tỷ, một trăm tám mươi tám triệu, hai trăm nghìn đồng) và số tiền bán nhà và đất tại số 56 (cũ là tổ dân phố số 19) phường Lãm Hà, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng, thuộc thửa đất số 419-02, tờ bản đồ số LH- 13 (306594-4-(b), diện tích 77,51m², nhà cấp 4, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 296338, vào sổ cấp GCNQSDĐ số CH 00147/LH do Ủy ban nhân dân quận Kiến An cấp ngày 04-11-2011 mang tên ông Ngô Hoàng T và bà Phạm Thị Bích Th là 1.280.000.000 đồng (Một tỷ, hai trăm tám mươi triệu đồng).

Chia cho ông Ngô Hoàng T được quyền sử dụng 54,90m² đất và quyền sử hữu nhà tại địa chỉ số 31/36 Tôn Đức Thắng, phường Trần Nguyên Hãn, Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng, thuộc thửa đất số 657, tờ bản đồ 01, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 633698 vào sổ cấp GCNQSDĐ: CH00234/TNH do Ủy ban nhân dân Quận Lê Chân cấp ngày 11-11-2010 mang tên ông Lê Bảo Phong và bà Trần Thị Dung, ngày 22-12-2017 chuyển nhượng cho ông Ngô Hoàng T và bà Phạm Thị Bích Th; ông T phải có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên theo quy định của pháp luật.

Chia cho bà Phạm Thị Bích Th số tiền đã bán nhà và đất tại số 56 (cũ là tổ dân phố số 19) phường Lãm Hà, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng là 1.280.000.000 đồng (Một tỷ, hai trăm tám mươi triệu đồng).

Đình chỉ yêu cầu của bà Th về việc buộc ông T phải trả cho bà Th 6,7 cây vàng tương đương với 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng).

2. Về án phí: Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 47.646.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu, sáu trăm bốn mươi sáu nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước; ông T đã nộp 42.000.000 đồng (Bốn mươi hai triệu đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận Lê Chân theo biên lai thu tiền số 0012722 ngày 24 tháng 8 năm 2018 nên còn phải nộp số tiền là 5.646.000 đồng (Năm triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn đồng).

Bà Th phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 50.400.000 đồng (năm mươi triệu, bốn trăm nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước. Trừ cho bà Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.750.000 đồng (Năm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0012966 ngày 08 tháng 01 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận Lê Chân, bà Th còn phải nộp số tiền là 44.650.000 đồng (Bốn mươi tư triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

** Sau khi xét xử sơ thẩm:* Bà Phạm Thị Bích Th kháng cáo toàn bộ nội dung Bản án sơ thẩm số 01/2020/HNGĐ-ST ngày 13-01-2020 của Tòa án nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

** Bà Phạm Thị Bích Th trình bày:* Bà vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo bởi quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm chưa đảm bảo quyền lợi cho bà. Khi ly hôn, bà và ông T chưa chia tài sản chung của vợ chồng và cũng không lập biên bản thỏa thuận nào về việc phân chia tài sản chung. Bà có biết và có nhìn thấy ông T viết một văn bản thỏa thuận phân chia tài sản nhưng viết trên tờ giấy học sinh chứ không phải giấy khổ A4 như ông T cung cấp. Sau khi ly hôn hai bên chỉ thỏa thuận miệng với nhau là: Ông T tặng cho bà nhà và đất tại số 56 phường Lãm Hà, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng. Đến ngày 20-9-2017, bà đã bán nhà và đất mà ông T tặng cho bà với giá 950.000.000 đồng, chứ không phải là 1.280.000.000 đồng như đã trình bày ở cấp sơ thẩm là bà nhầm lẫn. Số tiền bán căn nhà 56 phường Lãm Hà, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng bà đã nhận và quản lý toàn bộ, ông T đã cùng bà làm thủ tục sang tên cho người mua; do ông T quản lý sử dụng nhà số 31/36 Tôn Đức Thắng, phường Trần Nguyên Hãn, Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng có trị giá cao hơn nên ông T còn nói sẽ có trách nhiệm trả cho bà số tiền chênh lệch giữa hai ngôi nhà là 200.000.000 đồng và hứa sẽ tặng cho bà thêm 185.000.000 đồng tiền tình nghĩa vợ chồng. Ngoài ra trước đây, mẹ bà là cụ Hoàng Thị Yêmcó gửi ông T giữ hộ 65.000.000 đồng, tại phiên tòa phúc thẩm bà có cung cấp giấy ủy quyền của cụ Y ủy quyền cho bà đòi số tiền này nên bà yêu cầu ông T phải trả lại cho bà khoản tiền 65.000.000 đồng để bà trả cho cụ Y. Vì vậy bà yêu cầu Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét giải quyết, buộc ông T phải có trách nhiệm thanh toán cho bà các khoản tiền sau: Khoản tiền 65.000.000 đồng trả cho cụ Y, khoản tiền 200.000.000 đồng chênh lệch giữa hai tài sản và khoản tiền ông T hứa cho bà 185.000.000 đồng, tổng cộng là 450.000.000 đồng.

** Bị đơn, ông Ngô Hoàng T trình bày:* Nội dung kháng cáo của bà Th là hoàn toàn không có căn cứ, không có sự thỏa thuận về việc ông tặng cho bà Th căn nhà 56 phường Lãm Hà, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng cũng như không hứa cho 200.000.000 đồng khoản tiền chênh lệch giữa hai ngôi nhà vì hai bên thỏa thuận có văn bản nhưng bà Th giữ bản gốc, ông giữ bản photo. Về việc phân cho ông sử dụng căn nhà số 31/36 Tôn Đức Thắng, phường Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng vì ông phải nuôi con và đặc thù công việc đi làm đêm

hôm nên nhận căn nhà này cho thuận tiện việc bố con đi lại, còn bà Th sẽ quản lý sử dụng căn nhà 56 phường Lãm Hà, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng. Đối với khoản tiền 185.000.000 đồng ông hứa cho bà Th thực tế ông đã cho rồi nhưng hai bên không lập giấy biên nhận; khoản tiền do cụ Y gửi giữ ông cũng đã thanh toán cho cụ Y và có ghi âm lại cuộc nói chuyện với cụ Y. Do vậy, ông không đồng ý với ý kiến và kháng cáo của bà Th, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

** Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa có quan điểm:*

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã chấp hành đúng các quy định trong quá trình tiến hành tố tụng các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Kháng cáo của bị đơn là bà Phạm Thị Bích Th đối với Bản án số 01/2020/HNGĐ-ST ngày 13/01/2020 của Tòa án ND quận Lê Chân đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 BLTTDS năm 2015 về quyền kháng cáo, đơn và thời hạn kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Về nội dung:

Về xác định khối tài sản chung của vợ chồng: Ông T và bà Th đều thừa nhận nhà đất tại số 31/36 Tôn Đức Thắng, phường Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng và nhà đất tại số 56 (cũ là tổ dân phố số 19) phường Lãm Hà, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Các đương sự thống nhất căn nhà 56 (cũ là tổ dân phố số 19) phường Lãm Hà, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng đã chuyển nhượng cho người khác. Do đó tài sản chung vợ chồng là số tiền bán căn nhà này như Tòa án sơ thẩm xác định là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Th không có ý kiến gì về việc bà Th là người trực tiếp giao dịch bán nhà tại số 56 Lãm Hà, Kiến An và quản lý số tiền bán nhà này nhưng bà Th thay đổi lời khai bà chỉ bán được 950.000.000 đồng. Xét thấy trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn sơ thẩm bà Th đều tự khai thống nhất về giá bán nhà và là người quản lý số tiền bán nhà là 1.280.000.000 đồng, do đó việc thay đổi lời khai tại phiên tòa phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận.

Về phân chia tài sản sau khi ly hôn, ông T quản lý và sinh sống tại nhà số 31/36 Tôn Đức Thắng, phường Trần Nguyên Hãn, Lê Chân, thành phố Hải Phòng; còn bà Th quản lý số tiền có được từ việc bán nhà đất tại Lãm Hà, Kiến An là 1.280.000.000 đồng. Tại Kết luận định giá tài sản số 04/KL-ĐG ngày 02/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản quận Lê Chân xác định giá đất, giá trị nhà và vật kiến trúc trên đất tại số 31/36 Tôn Đức Thắng tổng cộng là 1.188.200.000 đồng. Xét giá trị tài sản mỗi bên quản lý, sử dụng là ngang nhau nên Tòa án sơ thẩm chấp nhận

yêu cầu của ông T chia cho ông T nhà đất số 31/36 Tôn Đức Thắng, bà Th số tiền bán nhà đất tại Lãm Hà là 1.280.000.000 đồng là có căn cứ.

Đối với yêu cầu của bà Th buộc ông T phải thanh toán cho bà tiền chênh lệch nhà 200.000.000 đồng và hứa cho bà thêm 185.000.000 đồng nhưng bà Th chưa được nhận, ông T không thừa nhận; bà Th không có tài liệu chứng cứ khác để chứng minh nên không có căn cứ xem xét; đối với yêu cầu buộc ông T phải trả cho mẹ đẻ của bà là cụ Hoàng Thị Yêm số tiền 65.000.000 đồng, xét yêu cầu này phát sinh sau khi đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử và bà Th cũng không xuất trình được giấy ủy quyền, các tài liệu chứng cứ chứng minh nên Tòa án sơ thẩm không xem xét là có cơ sở. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Th có xuất trình Giấy ủy quyền của cụ Y về việc ủy quyền cho bà đòi ông T số tiền này, cấp phúc thẩm không có thẩm quyền giải quyết, cụ Y có thể khởi kiện bằng vụ án khác.

Từ phân tích đánh giá nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn là bà Phạm Thị Bích Th, giữ nguyên Bản án số 01/2020/HNGĐ-ST ngày 13-01-2020 của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; buộc bà Th phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

- Xét kháng cáo của bà Phạm Thị Bích Th:

[2] Ông Ngô Hoàng T và bà Phạm Thị Bích Th đều xác định khối tài sản chung của có trong thời kỳ hôn nhân là: Nhà và đất tại số 31/36 Tôn Đức Thắng, phường Trần Nguyên Hãn, Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng, thuộc thửa đất số 657, tờ bản đồ số 01, diện tích 54,90m², nhà 03 tầng, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 633698 vào sổ cấp GCNQSDĐ: CH00234/TNH do Ủy ban nhân dân Quận Lê Chân cấp ngày 11-11-2010 mang tên ông Lê Bảo Phong và bà Trần Thị Dung, ngày 22-12-2017 chuyển nhượng cho ông Ngô Hoàng T và bà Phạm Thị Bích Th và số tiền bán nhà đất tại số 56 (cũ là tổ dân phố số 19) phường Lãm Hà, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng, thuộc thửa đất số 419-02, tờ bản đồ số LH- 13 (306594-4-(b), diện tích 77,51m², nhà cấp 4, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 296338, vào sổ cấp GCNQSDĐ số CH 00147/LH do Ủy ban nhân dân quận

Kiến An cấp ngày 04-11-2011 mang tên ông Ngô Hoàng T và bà Phạm Thị Bích Th.

[3] Xét sau khi ly hôn, ông T quản lý và sinh sống tại nhà số 31/36 Tôn Đức Thắng, phường Trần Nguyên Hãn, Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; còn bà Th quản lý số tiền có được từ việc chuyển nhượng nhà đất tại Lãm Hà, Kiến An. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Th trình bày số tiền bán căn nhà số 56 (cũ là tổ dân phố số 19) phường Lãm Hà, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng là 950.000.000 đồng chứ không phải là 1.280.000.000 đồng như bà đã trình bày ở cấp sơ thẩm do bà nhầm lẫn. Xét, trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn sơ thẩm bà Th đều tự khai thống nhất về giá bán nhà và là người quản lý số tiền bán nhà là 1.280.000.000 đồng, phù hợp với lời khai của ông T khi nhận tiền bán nhà, ông và bà Tú cùng người mua có giao dịch thanh toán số tiền là 1.280.000 đồng. Do đó việc thay đổi lời khai tại phiên tòa phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận.

Tại Kết luận định giá tài sản số 04/KL-ĐG ngày 02-11-2019 của Hội đồng định giá tài sản Quận Lê Chân xác định giá trị nhà và đất tại số 31/36 Tôn Đức Thắng, Trần Nguyên Hãn, Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng là 1.188.200.000 đồng. Sau khi có Kết luận định giá, Tòa án nhân dân Quận Lê Chân mở phiên họp tiếp cận công khai tài liệu chứng cứ, bà Th không có ý kiến gì, không khiếu nại về kết luận định giá. Như vậy, giá trị tài sản mỗi bên quản lý, sử dụng là tương đối ngang nhau. Mặc dù ông T cung cấp văn bản thỏa thuận phân chia tài sản là bản photocopy, không xuất trình được bản gốc, bà Th không thừa nhận có văn bản này, thỏa thuận phân chia tài sản chung khi ly hôn giữa hai bên nếu có cũng chưa đúng với quy định của pháp luật về hình thức và không được cơ quan có thẩm quyền công chứng, chứng thực, đăng ký nên không được coi là hợp pháp. Song thực tế sau khi ly hôn, cả hai bên đều xác nhận, ông T vẫn quản lý căn nhà số 31/36 Tôn Đức Thắng; bà Th quản lý căn nhà số 56 phường Lãm Hà, đã chuyển nhượng cho người khác và quản lý sử dụng số tiền bán nhà này. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia cho ông T quản lý, sử dụng đất và sở hữu nhà số 31/36 Tôn Đức Thắng, phường Trần Nguyên Hãn, Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; chia cho bà Th số tiền bán nhà, đất tại số 56 phường Lãm Hà, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng là có căn cứ.

[4] Đối với yêu cầu của bà Th về việc theo thỏa thuận miệng thì ông T phải thanh toán tiền chênh lệch nhà cho bà Th 200.000.000 đồng do giá trị bán căn nhà số 56 Lãm Hà, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng có giá trị thấp hơn so với giá trị căn nhà số 31/36 Tôn Đức Thắng, phường Trần Nguyên Hãn, Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; thanh toán 185.000.000 đồng tiền tình nghĩa vợ chồng ông T hứa cho bà thêm nhưng bà chưa được nhận. Xét, đây là việc thỏa thuận giữa các đương sự nếu có thì nay ông T không thừa nhận bà Th cũng không có tài liệu chứng cứ khác để chứng minh nên không có căn cứ xem xét; Sau khi có quyết định

đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm bà Th yêu cầu ông T phải trả cho cụ Hoàng Thị Y số tiền 65.000.000 đồng nhưng không cung cấp văn bản ủy quyền, các tài liệu chứng cứ chứng minh, chưa làm các thủ tục yêu cầu theo quy định của pháp luật tố tụng nên Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là có cơ sở. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Th có xuất trình Giấy ủy quyền của cụ Y về việc ủy quyền cho bà đòi ông T số tiền này, cấp phúc thẩm có thẩm quyền xem xét lại phần quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết nên về việc này cụ Y có thể khởi kiện bằng vụ án khác.

[5] Đối với yêu cầu buộc ông T phải trả cho bà Th 6,7 cây vàng tương đương với 230.000.000 đồng. Tại giai đoạn sơ thẩm bà Th đã có đơn rút yêu cầu, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ là có căn cứ. Bà Th không có kháng cáo, Viện Kiểm sát không kháng nghị nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không đặt vấn đề giải quyết.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị Bích Th, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 01/2020/HNGĐ-ST ngày 13-01-2020 của Tòa án nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do nội dung kháng cáo không được chấp nhận nên bà Phạm Thị Bích Th phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, khoản 2 Điều 148, khoản 1 Điều 308, Điều 309, Điều 313 khoản 2 Điều 117, khoản 2 Điều 119, Điều 159 của Bộ luật Tố tụng dân sự ;

Căn cứ khoản 2 Điều 117, khoản 2 Điều 119 Bộ luật Dân sự

Căn cứ Điều 167 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 2 Điều 38, khoản 2 Điều 39, Điều 50, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm b khoản 5 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị Bích Th. Giữ nguyên Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 01/2020/HNGĐ-ST ngày 13-01-2020 của Tòa án nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Hoàng T về việc chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn.

3. Xác định khối tài sản chung của ông Ngô Hoàng T và bà Phạm Thị Bích Th có trong thời kỳ hôn nhân là: Nhà và đất tại số 31/36 Tôn Đức Thắng, phường Trần Nguyên Hãn, Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng, thuộc thửa đất số 657, tờ bản đồ số 01, diện tích 54,90m², nhà 03 tầng, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 633698 vào sổ cấp GCNQSDĐ: CH00234/TNH do Ủy ban nhân dân Quận Lê Chân cấp ngày 11-11-2010 mang tên ông Lê Bảo Phong và bà Trần Thị Dung, ngày 22-12-2017 chuyển nhượng cho ông Ngô Hoàng T và bà Phạm Thị Bích Th, có giá trị theo kết luận định giá là 1.188.200.000 đồng (Một tỷ, một trăm tám mươi tám triệu, hai trăm nghìn đồng) và số tiền bán nhà đất tại số 56 (cũ là tổ dân phố số 19) phường Lãm Hà, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng, thuộc thửa đất số 419-02, tờ bản đồ số LH- 13 (306594-4-(b), diện tích 77,51m², nhà cấp 4, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 296338, vào sổ cấp GCNQSDĐ số CH 00147/LH do Ủy ban nhân dân quận Kiến An cấp ngày 04-11-2011 mang tên ông Ngô Hoàng T và bà Phạm Thị Bích Th là 1.280.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm tám mươi triệu đồng).

3.1. Chia cho ông Ngô Hoàng T được quyền sử dụng 54,90m² đất và quyền sử hữu nhà tại địa chỉ số 31/36 Tôn Đức Thắng, phường Trần Nguyên Hãn, Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng, thuộc thửa đất số 657, tờ bản đồ 01, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 633698 vào sổ cấp GCNQSDĐ: CH00234/TNH do Ủy ban nhân dân Quận Lê Chân cấp ngày 11-11-2010 mang tên ông Lê Bảo Phong và bà Trần Thị Dung, ngày 22-12-2017 chuyển nhượng cho ông Ngô Hoàng T và bà Phạm Thị Bích Th có giá trị theo kết luận định giá là 1.188.200.000 đồng (Một tỷ, một trăm tám mươi tám triệu, hai trăm nghìn đồng). Ông T có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên theo quy định của pháp luật.

3.2. Chia cho bà Phạm Thị Bích Th số tiền đã bán nhà và đất tại số 56 (cũ là tổ dân phố số 19) phường Lãm Hà, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng là 1.280.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm tám mươi triệu đồng).

4. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của bà Th về việc buộc ông T phải trả cho bà Th 6,7 cây vàng tương đương với 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng).

5. Về án phí:

5.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 47.646.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu, sáu trăm bốn mươi sáu nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước; đối trừ với số tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp là 42.000.000 đồng (Bốn mươi hai triệu đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân theo Biên lai số 0012722 ngày 24 tháng 8 năm

2018 ông T còn phải nộp số tiền là 5.646.000 đồng (Năm triệu, sáu trăm bốn mươi sáu nghìn đồng).

- Bà Th phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 50.400.000 đồng (Năm mươi triệu, bốn trăm nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước; đối trừ với số tiền tạm ứng án phí bà Th đã nộp là 5.750.000 đồng (Năm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai số 0012966 ngày 08 tháng 01 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận Lê Chân bà Th còn phải nộp số tiền là 44.650.000 đồng (Bốn mươi tư triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

5.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Thị Bích Th phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0013772 ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Bà Th đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND Quận Lê Chân;
- Chi cục THADS Quận Lê Chân;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Vân Thúy

